

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 35/2025/DS-GĐT

Ngày: 23/6/2025

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường.

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân và ông Nguyễn Tấn Long.

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên chính.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1938.

Cư trú lại: Tổ 52. KV 6, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1977; địa chỉ: số A N, thôn P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1941.

Cư trú tại: Xóm B, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Lê Thành N, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2021).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Lê Thị Thúy K, sinh năm 1988;

3.2. Anh Quách Toàn H, sinh năm 1981;

3.3. Anh Lê Thành N, sinh năm 1977;

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình T trình bày:

Cha mẹ bà Phạm Thị C là cụ Phạm M (chết năm 1946), cụ Nguyễn Thị L1 (chết năm 1996), cha mẹ bà có một người con duy nhất là bà. Năm 1947, cụ L1 nhận chuyển nhượng của cụ Trương Hoàng T1 đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² đất tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Năm 1949, cụ L1 kết hôn với cụ Nguyễn S và ở trên thửa đất khác do cụ S tạo lập. Trước khi kết hôn với cụ L1, cụ S đã kết hôn với cụ Nguyễn Thị Kim A và có một người con chung là bà Nguyễn Thị Ngọc L. Sau khi ly hôn, cụ A sống tại thôn C, thị trấn T đến sau năm 1975, cụ A về sống tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vì cụ A muốn sống gần con gái là bà L nên năm 1985 cụ A có xin cụ L1 khoanh đất trồng đề ở.

Năm 1993 cụ S chết, cụ A sống một thời gian đến năm 1995 cụ A chết, cụ L1 lấy lại đất. Đến năm 1996 cụ L1 chết. Trước khi chết cụ L1 đã giao lại thửa đất trên cho bà C quản lý, sử dụng. Năm 2003, bà L nói với bà C để bà L sử dụng thửa đất trên, bà L sẽ nộp thuế cho Nhà nước khi nào bà C cần thì bà L trả lại. Đến năm 2019, bà C về thăm nhà thì được biết bà L đã cho con xây dựng nhà ở trên thửa đất trên. Nay bà C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế toàn bộ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m²; yêu cầu vợ chồng chị Lê Thị Thúy K, anh Quách Toàn H tháo dỡ nhà tự xây năm 2019 và yêu cầu bà L tháo dỡ ngôi nhà do cụ A xây dựng. Đối với yêu cầu phản tố của bà L thì bà C không đồng ý.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Thành N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L thống nhất với lời trình bày của của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc nhà đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m².

Bà L công nhận khu vườn tranh chấp của cụ L1 có từ năm 1947, trước khi cụ L1 tái hôn với cụ S năm 1949. Cụ L1 và cụ S cho cụ A ở nhờ chỉ cho miệng chứ không có giấy tờ gì. Sau khi cụ A chết năm 1995, bà Liên tiếp T2 sinh sống tại nhà, đất của thửa đất nêu trên. Nay bà C yêu cầu chia thừa kế toàn bộ thửa đất nêu trên thì bà L không đồng ý; bà L cũng không đồng ý tháo dỡ ngôi nhà do cụ A xây dựng. Bà L phản tố yêu cầu chia thừa kế phần của cụ A và cụ S đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² nêu trên, đồng thời yêu cầu được hoàn trả lại tiền thuế, tiền trông coi, giá trị bồi tức khu vườn theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà L đã rút yêu cầu về việc được hoàn trả lại tiền thuế, tiền trông coi, giá trị bồi tức đối với diện tích đất tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 06/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Thừa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T là tài sản chung vợ chồng cụ Nguyễn Thị L1 và cụ Nguyễn Siêu .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị C được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị L1 471,7m² (133 m² đất ở, 338,7m² đất vườn)/630,3m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ngọc L được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn S 158,6m² (66,6m² đất ở, 92m² đất vườn)/630,3m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Về vị trí cụ thể: Có sơ đồ kèm theo.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ngọc L được thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị Kim A ngôi nhà 36,2m² do cụ A xây dựng năm 1986 nằm trong phạm vi đất được chia cho bà C và buộc bà C hoàn trả lại cho bà L giá trị 21.025.000 đồng

5. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị C đối với bà L phải tháo dỡ ngôi nhà 36,2m² do cụ A xây dựng năm 1986, giá trị 21.025.000 đồng, thuộc trong phạm vi đất được chia cho bà C.

6. Bác yêu cầu của bà L được thừa kế phần tài sản cụ L1.

7. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị C đối chị Lê Thị Thúy K và anh Quách Toàn H phải tháo dỡ ngôi nhà 86,2m², giá trị 208.280.000 đồng xây dựng năm 2019 vì ngôi nhà không thuộc phạm vi đất chia cho bà C mà thuộc trong phạm vi đất được chia cho bà L.

8. Đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định do anh Lê Thành N đứng tên kê khai, đăng ký nếu sau này đương sự tranh chấp thì tách bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/9/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc L kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Ngày 30/9/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2022/DS-PT ngày 16/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định. Sửa bản án sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C được thừa kế toàn bộ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² (trong đó 200m² đất ở và 429,2m² đất vườn) tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Ngày 25/10/2023, bà Phạm Thị C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 06/2025/KN-DS ngày 22/5/2025, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2022/DS-PT ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 629,2m² tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (hiện đang tranh chấp) có nguồn gốc do cụ Nguyễn Thị L1 (mẹ của bà C) nhận chuyển nhượng của cụ Trương Hoàng T3 năm 1947. Trước đó, cụ Trương H1 đã được đứng tên đối với thửa đất số 01 tại sổ bộ do Đại N cấp, thuộc thửa số 188, tờ bản đồ số 02, diện tích 1 sào, 5 thước, 5 tấc. Năm 1949, cụ L1 tái hôn với cụ Nguyễn Siêu. Thời điểm này, cụ Nguyễn Thị Kim A đã ly hôn và không còn chung sống với cụ S nên cụ S và cụ A không còn quan hệ hôn nhân. Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959: *"Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới"*, vì vậy toàn bộ thửa đất nêu trên là tài sản chung vợ chồng của cụ L1, cụ S. Cụ S chết năm 1993, cụ L1 chết năm 1996 đều không để lại di chúc, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất trên là di sản thừa kế của hai cụ là có căn cứ.

[2]. Sau năm 1975, cụ A về lại thôn T và xin ở nhờ thửa đất nêu trên, năm 1980 cụ A tự kê khai quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân xã P ghi vào Quyền đăng ký mục kê số 01 trang 41. Năm 1993, thực hiện Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì thửa đất tranh chấp thuộc thửa số 466, tờ bản đồ số 3, có diện tích 592m², trong đó có 200m² đất ở, 392m² đất vườn do cụ A đứng tên. Năm 1995, cụ A chết, bà Nguyễn Thị Ngọc L (là con chung của cụ A và cụ S) tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất. Năm 2002, chính quyền địa phương thực hiện đo đạc nhà ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên địa bàn xã P, thửa đất nêu trên được chỉnh lý thành thửa số 718, tờ bản đồ số 3, diện tích 535m² do anh Lê Thành N (con trai bà L) đứng tên kê khai đăng ký. Tại Công văn số 04/UBND-ĐC ngày 11/01/2020, Ủy ban nhân dân xã P xác nhận thời điểm thực hiện Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thì tất cả các gia đình, cá nhân thực tế đang sử dụng đất từ trước năm 1975 đến thời điểm đăng ký kê khai thì đều được kê khai, cụ A đăng ký kê khai theo chủ trương chung nhưng không cung cấp tài liệu, giấy tờ gì chứng minh cụ A có quyền sử dụng đối với thửa đất này. Như vậy, thửa đất nêu trên là di sản của cụ S, cụ L1 nên bà L (con riêng của cụ S) được thừa kế tài sản của cụ S; bà C (con riêng của cụ L1) được thừa kế tài sản của cụ L1 để lại như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng pháp luật.

[3]. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định từ sau năm 1975, diện tích đất tranh chấp không ai quản lý, sử dụng. Cụ A trực tiếp sử dụng đất đã xây nhà, sinh sống liên tục đến khi cụ A chết năm 1995, bà L và anh N tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất không ai tranh chấp và nộp các khoản thuế đất đầy đủ theo quy định đã hơn 40 năm và áp dụng Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 để công nhận cụ A có toàn bộ quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên, từ đó không chấp nhận yêu cầu của bà C là không đúng, không phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy cần chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2025/KN-DS ngày 22/5/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337 và khoản 3 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2025/KN-DS ngày 22/5/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2022/DS-PT ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, về vụ án “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”, giữa nguyên đơn bà Phạm Thị C với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thúy K, anh Quách Toàn H, anh Lê Thành N.

3. Giao hồ sơ vụ án dân sự cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC – Vụ giám đốc kiểm tra về dân sự;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Vụ GĐT-TT và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường

